

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỶ

## QUYỂN 4 (Phần 1)

Trong Địa thứ bảy có sáu môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi, khéo léo tu hạnh Vô tướng, công dụng đạt đến cuối cùng, có thể vượt qua đạo xuất thế gian của Nhị thừa thế gian, cho nên gọi là Viên Hành địa.

2) Trình bày về đã đối trị, theo văn Địa Luận thì chướng ngại do tập khí có tướng vi tế; nếu theo Nhiếp Luận thì tướng hành của Vô minh thô thiển. Văn này thuộc về Địa thứ sáu. Lại có hai Vô minh: Một là tướng vi tế hiện hành khởi lên Vô minh, tức là mê lầm về Tục; hai là luôn luôn không có tướng phương tiện tư duy, tức là mê lầm về Chân; lại có hai nghiệp chướng và một báo chướng về nhân duyên sinh tử.

3) Trình bày về đã hiển bày, là hiển bày về nghĩa của các loại pháp không có khác biệt.

4) Trình bày về đã thành tựu, là thành tựu về Phương tiện Ba-la-mật.

5) Trình bày về đã đạt được quả, thông hiểu về công đức không có khác biệt của các loại pháp, đạt được tất cả tướng diệt, luôn luôn trú trong quả Vô tướng.

6) Giải thích văn, văn kinh có ba: Một là kệ ca ngợi sinh khởi phần sau, hai là trình bày về Thể của Địa, ba là kệ tụng kết thúc phần trước.

**Phần một là kệ tụng, có mười bốn kệ:** Mười ba kệ đầu là ba nghiệp cúng dường của Đại chúng, tiếp theo một kệ là Giải Thoát Nguyệt thừa thính.

**Văn phần một có hai:** Mười hai kệ đầu là chính thức ca ngợi thừa thính, tiếp theo một kệ là kết thúc cúng dường thâm nhiếp hành tiến vào phần vị phía trên.

*Văn phần đầu phân hai:* Ba kệ đầu là chư Thiên tống quát tu ba nghiệp cúng dường, thân-khẩu-ý ba lần thưa thỉnh; tiếp theo chín kệ là riêng biệt.

*Trong riêng biệt có ba:* Một kệ đầu là Thiên vương nơi ấy cúng dường, tiếp theo có một kệ rưới trình bày về Thiên vương nơi khác muốn nghe về lợi ích của pháp, tiếp theo sáu kệ rưới trình bày về các Thiên nữ nương theo uy lực ca ngợi công dụng thù thắng trong ba nghiệp của Đức Phật, trong đó hai kệ rưới đầu là thân, tiếp một kệ là khẩu, tiếp ba kệ là ý.

Trong phần hai là phân rõ về Thể của Địa, toàn bộ phân định làm năm:

1) Đối trị sai biệt về vui với hạnh Vô tác, đối trị về vui với tâm Không của Địa trước.

2) Đối trị sai biệt về chướng kia, đối trị về tâm có tướng của Địa này.

3) Hai hành sai biệt thực hành thành tựu tướng.

4) So sánh sai biệt về Địa trên hơn hẳn Địa trước.

5) Thuần thực sai biệt về quả của Địa.

*Trong phần vui với hạnh Vô tác, kinh có ba:* Một, tổng quát về sinh khởi; hai, chính thức giải thích; ba, kết luận về lợi ích. Văn thứ hai có hai mươi câu, thân nhiếp làm mười cặp. Trong mỗi một cặp, đều là câu đầu trình bày về vô lượng cảnh giới ấy, câu sau trình bày về đức nghiệp vô lượng của Phật; cũng có thể câu đầu là trí phương tiện trong Không, câu sau là hạnh thù thắng trong có.

*Lại văn Luận nói:* Có bốn chướng như nói ở Địa thứ năm, chọn lấy việc làm không nào hại và việc làm an vui kia, bởi vì thương xót mà đưa ra từ từ khiến cho tiến vào pháp, đối với bốn hành giáo hóa nói về bốn chướng ngại. Lại bốn chướng ngại về sách luận... thì như Luận mà thôi, văn còn lại như Luận.

Ngay văn về tu hạnh thù thắng đối trị chướng kia, trong kinh có hai:

1) Trình bày về phương tiện quán giải của Bồ-tát. Trong phần phương tiện này Luận có sáu câu hỏi: Một là hỏi về sự lợi ích chúng sinh; hai là hỏi về thế giới đã nương tựa; ba là hỏi về Tuệ nào, hai câu trong pháp của pháp giới ấy bởi vì khó có thể hỏi riêng biệt, cho nên dựa vào trí tuệ chủ động nhận biết mà hỏi; bốn là hỏi về dùng tâm nào, là hỏi về căn tâm; năm là hỏi về dùng hạnh nào, là hỏi về tâm khởi hạnh, đến trong phần Giải sau hợp lại nêu ra, phân rõ về có gồm chung

hai nghĩa vốn có mà thôi; sáu là hỏi về Thừa.

2) Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là chính thức trình bày về tu hành, có năm câu: Một là nêu ra, hai là phân rõ ý, ba là trình bày về phạm vi, bốn là đưa ra Thế, năm là thành tựu về nghĩa đối trị.

*Trong văn hai hành có bốn:* 1) Hai hành song song không gián đoạn. 2) Tín thù thắng. 3) Có thể làm nghĩa của Đại, văn này có bốn: Một là thiết lập, hai là vận hỏi, ba là tóm lược trả lời, bốn là mở rộng phân rõ. 4) Sai biệt về Bồ-đề phần. Trong phần này văn kinh sót một câu về bốn người (tứ gia), văn còn lại như Luận.

Văn về Địa trên hơn hẳn Địa trước có hai: 1) Hơn hẳn sáu Địa trước; 2) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là trình bày về hơn hẳn ba Địa hơn hẳn.

*Trong sáu Địa trước:* Một là trước tiên tóm lược phân rõ Giải Thoát Nguyệt hỏi về tác thành lẫn nhau, hai là Kim Cang Tạng trả lời. Trong trả lời: Một là trước tiên gồm chung đối với các Địa làm sáng tỏ Địa này là hơn hẳn, hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là riêng biệt đối với các Địa hiển bày Địa này là hơn hẳn. Phần riêng biệt trả lời này có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Trong phần đáp phân hai: Một là tổng quát, hai là riêng biệt.

*Trong phần hai là giải thích về hơn hẳn, có hai:* Một là trình bày Địa này hơn hẳn về sau, hai từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là dựa vào Thừa đã luận trước đây trình bày về tướng nhiễm-tịnh của các Địa. Trong phần một phân hai: Đầu là vận hỏi, sau là trả lời. Trong trả lời phân ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp. Văn còn lại có thể biết.

Trong phần hai dựa vào Thừa trình bày về nhiễm-tịnh, có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Trong phần đáp có hai: Một là gồm chung phân rõ, hai là dựa theo bảy Địa trình bày riêng biệt về phạm vi. Trong phần một là gồm chung có ba, đó là pháp-dụ-hợp, ba văn có thể biết. Văn thứ hai là phân rõ riêng biệt có ba, đó là thiết lập-vận hỏi-trả lời.

*Ngay trong văn về quả thù thắng của Địa:*

1) Văn về một nghiệp thù thắng có ba: Một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là kết luận. Kinh này trong văn kết luận sót một câu, văn riêng biệt có bốn như Luận.

2) Trong phần Tam-muội thù thắng: Một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là tổng quát kết luận. Kinh sót câu tổng quát, còn lại như Luận.

3) Trong phần vượt qua Địa thù thắng, phân văn có ba: Một là thực hành tu tập khéo léo cho nên vượt qua, hai là việc làm rộng lớn cho nên vượt qua, ba là thực hành tu tập thù thắng tiến vào cho nên vượt qua.

Trong phần một phân hai: Một, nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; hai, giải thích về nghĩa riêng biệt. Trong phần vượt qua thứ hai: Một, chính thức phân rõ về nghĩa vượt qua; hai, từ “Giải Thoát Nguyệt...” trở xuống là hiển bày về phạm vi vượt qua. Phần này có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Đáp có ba, đó là pháp-dụ-hợp. Văn còn lại có thể biết.

*Văn về đạt được hạnh thù thắng có hai:* Một là trình bày về Tam-muội thù thắng, hai là phát khởi thù thắng. Văn phần một có hai: Đầu là hỏi, sau là đáp. Văn đáp có ba, đó là pháp-dụ-hợp. Trong phát khởi thù thắng: Đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, hai là chính thức trình bày về phát khởi công hạnh thù thắng. Nhưng trong văn Luận này tổng hợp làm tám câu: Đầu là một câu về hạnh Tự lợi, hiện thân ở thế gian là hạnh thù thắng, thâm tâm Niết-bàn là trí phương tiện; trong hạnh Lợi tha về sau, ba câu đầu là thuận theo thế gian, một câu tiếp là chuyển đổi Tiểu thừa, hai câu tiếp là tùy theo ma, một câu cuối là chuyển đổi thế gian. Quyển thuộc vây quanh là hạnh thù thắng, tâm thường rời xa là trí phương tiện, các câu ví dụ như vậy. Nguyên đạt được quả báo, là đầu tiên giáo hóa thì nhất định phải nhờ vào nguyện. Gia đình không đoan dứt, là nêu rõ có sự ái nhiễm. Lìa xa sử, là lìa xa tánh của sử. Tiến vào hạnh, là có thể chuyển đổi Nhị thừa hưởng lên tiến vào Phật trí. Giúp đỡ sinh ra hạnh, là nêu rõ có ăn uống ngủ nghỉ... Lui sụt hạnh, là nêu rõ về già-bệnh... Nói đến hạnh chuyển, là chuyển tâm hết sức phiền não của các phàm phu. Chuyển thấy tham, là chuyển kiến chấp mê hoặc. Chuyển chướng ngại, Vô minh không hiểu rõ gọi là chướng ngại, nay chuyển đổi diệt trừ, là trí thuộc năm Minh đối trị mà thôi. Chuyển tham, là chuyển đổi kiết tham. Bồ-tát hiện tại thọ sinh ở nơi năm dục thù thắng mà không đắm trước, khiến cho chư Thiên đều rời bỏ những ham muốn vốn có của mình.

Trong văn về quả của Địa, ba quả giống như trước. Trong quả Điều nhu, văn lại có bốn: Một là hành tướng Điều nhu, hai là Trí giáo thanh tịnh, ba là đức của Địa riêng biệt, bốn là kết luận về tướng của Địa. Trong hạnh Điều nhu có ba: Đầu là pháp thuyết, tiếp là dụ, sau là hợp. Trong pháp thuyết có ba: Đầu là thấy chư Phật; tiếp là năng lực luyện tập thực hành; sau là sự luyện tập thanh tịnh. Văn còn lại có thể biết.

*Thứ ba là phần trùng tụng có hai:* Một là trình bày về ý tuyên thuyết, hai là chính thức kệ tụng. Kệ có bốn mươi hai, phân văn có bảy: Chín kệ đầu tụng về hạnh Vô tác, ba kệ tiếp theo tụng về đối trị chướng kia, sáu kệ tiếp theo tụng về hai hành, mười một kệ tiếp theo tụng về

Địa trên hơn hẳn Địa trước, tám kệ tiếp theo tụng về quả của hai hành, bốn kệ tiếp theo tụng về ba quả như Điều nhu-Nhiếp báo..., một kệ sau cùng là kết luận ca ngợi.

Địa thứ tám, từ Địa này về sau tên gọi đưa ra pháp thiện xuất thế, vì vậy phân tích các Địa trên-dưới, Nhất thừa-Tam thừa, người-trời, khởi Tín sinh Giải dần dần giống-khác về pháp môn.

Trong Địa thứ nhất, Thập Nguyện là pháp thực hành chung của Nhất thừa và Tam thừa, mười pháp như Tín... là pháp thực hành riêng biệt của Tam thừa và nơi nương tựa của trời người. Địa thứ hai, Giới hạnh là nơi nương tựa của trời-người, Tiểu thừa và Tam thừa. Địa thứ ba, Thiền định là pháp luyện tập của trời-người, Tiểu thừa và Tam thừa. Địa thứ tư, Đạo phẩm... là pháp đạt được của Tiểu thừa và Tam thừa. Địa thứ năm, Tứ đế là pháp thực hành chung của Tiểu thừa-Tam thừa và Nhất thừa. Địa thứ sáu, Duyên sinh là pháp thực hành chung của Tiểu thừa-Tam thừa và Nhất thừa. Địa thứ bảy, Phương tiện song hành... là pháp thực hành của Đại thừa. Địa thứ tám-thứ chín-thứ mười, là pháp luyện tập của Đại thừa-Nhất thừa. Như vậy, nếu nói chung về thấy-nghe-tu chứng, thì như nhau không khác; nếu dựa theo tướng riêng mà nói, thì có phần khác nhau. Lại trong các Địa, quả Điều nhu là Hạnh môn, quả Phát thú là Giải môn, quả Nhiếp báo là Báo môn, quả Nguyện trí là Đức dụng môn, cũng là pháp thực hành chung của Nhất thừa và Tam thừa. Lấy điều này làm chuẩn mực, Thập Địa thiện xảo viên thông thâm nhiếp rộng rãi cho nên có được tên gọi là Tạng. Vì vậy Thôi Quang nói: “Kinh Thập Địa, chính là khu vườn huyền diệu của thân giác, ngôi nhà tuyệt vời của linh tuệ, nền tảng vững chắc của mọi điều thiện, giếng mối chủ yếu của mọi công hạnh, lý bao gồm bí mật của các Tạng, nghĩa đứng đầu sâu xa của các kinh; tích lũy dần dần tâm thực hành, đến cùng nguồn gốc của Nhân Học; sùng kính mở rộng trú vào đức, cuối cùng vào phủ của Đạo Tuệ.”

Nay trong Địa thứ tám có sáu môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi, báo hành thuần thực, Vô tướng không gián đoạn, cho nên gọi là Bất Động địa.

2) Trình bày về đã đối trị, theo văn Địa Luận thì có chương ngại về Hành đối với Vô tướng; theo văn Nhiếp Luận thì dấy lên công dụng của tâm đối với Vô tướng. Vô minh lại có hai Vô minh: Một là dấy lên công dụng đối với Vô tướng, hai là tự tại đối với tướng của Hành; có hai nghiệp chương và một báo chương có quả báo của sinh tử.

3) Trình bày về đã hiển bày, là hiển bày do nghĩa không tăng

giảm.

4) Trình bày về đã thành tựu, là thành tựu về Nguyễn Ba-la-mật.

5) Trình bày về đã đạt được quả, nếu thông hiểu về công đức không tăng giảm, thì đạt được nghiệp quả trí tuệ uy đức bình đẳng cùng với chư Phật, và đạt được quả của Pháp thân.

6) Giải thích văn, toàn bộ phân định có ba: Một là kệ tụng sinh khởi, hai là trình bày về Thể của Địa, ba là dùng kệ để kết thúc.

*Phần một là kệ tụng, có mười lăm kệ:* Mười bốn kệ đầu là chư Thiên và Bồ-tát ca ngợi thưa thỉnh cúng dường, tiếp theo một kệ là Giải Thoát Nguyện thưa thỉnh.

*Trong mười bốn kệ đầu:* Hai kệ đầu là Thiên vương-chư Thiên và Bồ-tát vui mừng vì pháp mà mưa hoa cúng dường Phật và Đại chúng, mười hai kệ tiếp theo là Thiên nữ ca ngợi đức của Phật. Văn này có ba: Một kệ đầu là trời nhạc cúng dường, mười kệ tiếp theo là tụng ca ngợi đức của Phật, một kệ tiếp theo là cúng dường xong tiến vào lý quán sát.

*Thứ hai là trong mười kệ có hai:* Một kệ đầu là Thiên nữ ca ngợi Phật, chín kệ tiếp là uy lực của Phật khiến cho Bồ-tát... cúng dường đều phát ra âm thanh ca ngợi công đức của Phật và ba thế gian tự tại. Trong chín kệ: Ba kệ đầu là khí thế gian, một kệ tiếp là chúng sinh thế gian, bốn kệ tiếp là trí Chánh giác, một kệ tiếp là kết luận ca ngợi về Vô tận. Trong văn về trí Chánh giác: Một kệ đầu là ca ngợi khẩu nghiệp của Phật, hai kệ tiếp là thân nghiệp, một kệ tiếp là ý nghiệp.

*Phần hai là Thể của Địa, có bảy:* Một, tổng quát trình bày về phần phương tiện làm quy tụ Địa, làm phương tiện xa có hai, đầu là tổng quát nói cho biết, sau là giải thích có thể biết. Hai, phần đạt được hạnh Nhẫn thanh tịnh, làm phương tiện gần, hai loại này cùng làm phương tiện hướng về Địa trước. Ba, phần đạt được hạnh thù thắng, bắt đầu tiến vào hạnh của Địa. Bốn, phần làm thanh tịnh quốc độ Phật. Năm, phần đạt được tự tại, hai phần này an trú trong phạm vi của Địa. Sáu, rộng lớn thù thắng. Bảy, phần giải thích tên gọi. Hai phần này là đầy đủ trong Địa, vẫn còn lại có thể biết.

*Thứ hai là phần Nhẫn thanh tịnh có mười lăm câu, có ba phần:* Đầu có mười câu trình bày về Vô sinh Nhẫn, tiếp theo bốn câu trình bày về Nhẫn thanh tịnh ấy, sau cùng một câu là tổng quát kết luận. Dựa vào kinh không đầy đủ, sót câu về Tự tánh Vô sinh và câu về Tướng phủ khắp tất cả các pháp, vẫn còn lại như Luận.

*Trong phần hạnh thù thắng có hai:* Đầu là hạnh thù thắng, sau là

phát khởi hạnh. Phần đầu có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong riêng biệt thì trước là pháp, sau là dụ. Bảy câu trong pháp thuận theo nhau phân làm ba: Ba câu đầu trình bày về phần cảnh rất tuyệt vời trong Địa này; hai câu tiếp theo là Chánh hạnh rộng lớn, trong kinh sót một câu về tu hạnh sâu xa; hai câu tiếp theo là lia chướng vắng lặng. Trong dụ thuận theo sau hướng về trước lần lượt mà ví dụ. Trong phần phát khởi hạnh thù thắng, trong đó có hai: Một, trình bày về nhờ bốn nguyện này cho nên được chư Phật khuyến khích phát khởi; hai, từ “Nhược bất dữ...” trở xuống là trình bày về khuyến khích làm lợi ích. Phần này có hai: Một là trình bày về trú trong lực của bốn nguyện, hai từ “Hựu chư Phật...” trở xuống là do trú mà phát nguyện. Văn này có hai: Một, tổng quát trình bày trong làn nước giáo pháp của chư Phật cùng khởi lên Trí môn; hai, từ “Thiện tai...” trở xuống riêng biệt trình bày qua lại dựa vào nhau khuyến khích có thể thành tựu. Hai là trong riêng biệt: Trước là ca ngợi về môn Vô sinh Nhân đã đạt được, sau là làm sáng tỏ về pháp chưa đạt được để khuyến khích tu tập. Văn này có bảy, thâm nhiếp vào làm hai: Trước có sáu câu khuyến khích nêu ra nhiều pháp chưa làm để chuyển đổi tâm trú ấy, sau cuối một câu là trình bày về ít làm có thể thành tựu để tăng thêm tâm rời bỏ ấy. Lại trong sáu câu trước phân làm ba cặp về Tự lợi và Lợi tha. Trước là trong cặp thứ nhất: Trước một câu là trình bày về đức Tự lợi chưa thành tựu, sau một câu là hiển bày về sự hóa độ chưa phát sinh. Trong phần này kinh sót một câu. Trong cặp thứ hai: Trước một câu là trình bày về nguyện hóa độ chưa đầy đủ, sau một câu là làm sáng tỏ về đức Tự lợi chưa thù thắng. Trong cặp thứ ba: Đầu một câu là trình bày về sự nghiệp hóa độ chưa rộng rãi, sau một câu là làm sáng tỏ về chính mình đã đạt được pháp môn chưa tận cùng. Trong phần này kinh sót một câu, văn còn lại như Luận.

*Hai là văn trình bày về khuyến khích làm lợi ích, có ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp. Trong pháp có ba: Một, trình bày chư Phật cùng khởi lên Trí môn; hai, từ “Ưu nhất niệm...” trở xuống trình bày nhờ vào khuyến khích cho nên nhanh chóng phát khởi hạnh; ba, từ “Sở dĩ giả...” trở xuống là hỏi đáp giải thích. Văn còn lại như Luận.*

*Trong phần quốc độ có ba: Một là hành tự tại thuộc khí thế gian, hai là chúng sinh thế gian, ba là trí Chánh giác. Văn phần một có hai: Một, tổng quát nêu ra; hai, từ “Tri thế giới sinh...” trở xuống là hiển bày riêng biệt. Văn này có hai: 1) Biết phạm vi của pháp, có hai: Đầu là biết, sau là kết luận. Văn đầu có năm: Một, biết thế giới sinh khởi là*

trình bày về tùy tâm mong muốn; hai, từ “Tri dĩ hà nghiệp...” trở xuống là trình bày về tùy mong muốn gì; ba, kinh sót về đúng lúc mong muốn; bốn, từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về tùy theo mong muốn rộng hẹp; năm, từ “Thị Bồ-tát nhập như thị...” trở xuống là tùy tâm mong muốn bao nhiêu. 2) Từ “Thiện phân biệt...” trở xuống là trình bày về nghi thức tự tại, văn này có bốn, đó là pháp-dụ-hợp-kết luận. Văn còn lại như Luận.

*Trong phần giải thích về chúng sinh thế gian có bốn:* Một, tổng quát trình bày về tự tại; hai, từ “Nhược ư Sa-môn...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tự tại; ba, phân rõ về ý hiện tại; bốn, từ “Sở hữu bất khả thuyết...” trở xuống là tổng quát kết luận về tự tại. Cũng có thể trong phần hai là riêng biệt phân rõ và trong phần ba là ý hiện tại: Một là thân hóa hiện giống như chúng sinh, hai từ “Dĩ Thanh văn...” trở xuống là tâm hóa hiện giống như chúng sinh.

*Văn về trí Chánh giác:* Một là trình bày về trí Đệ nhất nghĩa, sở dĩ trình bày về trí này, là bởi vì thành tựu do tướng của pháp Thế trí; hai từ “Thị Bồ-tát thiện tri...” trở xuống là trí Thế đế. Trong này thâm nhiếp tùy theo sự hóa độ có mười thân, cùng với chính mình thì có mười một thân, có ba: Một là nêu ra số, hai là phân rõ về tướng làm ra, ba là đưa ra Thế giải thích về nghĩa có thể biết.

Hỏi: Vì sao trình bày về khí thế gian mới phân rõ về ba thế gian?

Đáp: Bởi vì tướng của ba pháp xen nhau khó nhận biết, muốn tách biệt cho nên phải trình bày. Trong này các câu phần nhiều bị sót, dựa vào Luận để chọn lấy.

*Trong phần rộng lớn thù thắng có ba:* Một là trình bày về Trí rộng lớn, hai là Nghiệp rộng lớn, ba là trú vào công đức rộng lớn của hai loại ấy. Văn còn lại như Luận.

*Trong phần giải thích tên gọi, có hai:* Một là giải thích tên gọi của Địa, hai là giải thích tên gọi của Trí. Văn còn lại có thể biết.

Phần một là Trí rộng lớn, có hai: Một, chính thức trình bày về Bất Động; hai, từ “Bất chuyển tướng cố...” trở xuống là tổng quát để kết luận. Trong phần một gồm có hai mươi lăm câu: Một là mười lăm câu đầu luôn luôn Bất Động, hai từ “Thị Bồ-tát nhập...” trở xuống là mười câu cùng một Thế Bất Động.

Trong văn về quả của Địa, ba quả giống như trước. Trong quả Điều nhu, có bốn: Một là hạnh Điều nhu, hai là Trí giáo thanh tịnh, ba là hành của Địa riêng biệt, bốn là kết luận về tướng của Địa. Trong hạnh Điều nhu có ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp. Trong pháp có ba:



Đầu là trình bày thấy chư Phật làm duyên của khởi hạnh; tiếp là phát khởi năng lực luyện tập thực hành; sau là sự luyện tập thanh tịnh. Trong phần Trí giáo thanh tịnh cũng có ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp. Văn còn lại như Luận.

*Thứ ba trong phần trùng tụng, văn phân có hai:* Một là nói đến ý kệ, hai là chính thức kệ tụng. Văn này có bốn mươi bốn kệ: Ba kệ đầu tụng về phương tiện làm quy tụ, ba kệ tiếp theo tụng về Nhẫn thanh tịnh, mười lăm kệ tiếp theo tụng về đạt được hạnh thù thắng, mười hai kệ tiếp theo tụng về Tịnh độ, một kệ tiếp theo tụng về tự tại, hai kệ tiếp theo tụng về rộng lớn thù thắng, hai kệ tiếp theo tụng về giải thích tên gọi, năm kệ tiếp theo tụng về ba quả như Điều nhu-Nhiếp báo..., một kệ sau cùng nêu ra tóm lược hiển bày mở rộng để kết luận về nghĩa trước đây.

*Trong phần hạnh thù thắng:* Năm kệ đầu tụng về Thể của hạnh thù thắng, sáu kệ tiếp theo tụng về bảy câu khuyến khích mà không tụng câu khuyến khích thứ năm-thứ sáu, bốn kệ tiếp theo tụng về nên ra khuyến khích làm sáng tỏ về hạnh thù thắng.

*Trong phần lợi ích của Tịnh độ:* Bốn kệ đầu tụng về khí thế gian, năm kệ tiếp theo tụng về chúng sinh thế gian, ba kệ tiếp theo tụng về trí Chánh giác.

Trong Địa thứ chín có sáu môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi, bởi vì năng lực vô ngại, thuyết pháp thành tựu hạnh Lợi tha, cho nên gọi là Thiện Tuệ địa.

2) Trình bày về đã đối trị, nếu theo Địa Luận, thì chướng ngại không có thể khéo léo làm lợi ích cho chúng sinh; theo Nhiếp Luận thì đối với việc làm lợi ích cho chúng sinh không do công dụng. Lại có hai Vô minh: Một là vô lượng pháp chánh thuyết, vô lượng ý nghĩa của danh cú khó trả lời, lời nói khéo léo tự tại của Đà-la-ni, làm chướng ngại cho Tự lợi; hai là dựa vào bốn Vô ngại giải, quyết đoán nghi ngờ sinh khởi hiểu biết, làm chướng ngại cho Lợi tha; có hai nghiệp chướng và một báo chướng có quả báo của sinh tử.

3) Trình bày về đã hiển bày, là do dựa vào Định tự tại, do dựa vào cõi tự tại, do dựa vào trí tự tại, nghĩa thuận theo nhận biết về pháp giới.

4) Trình bày về đã thành tựu, là thành tựu về Lực Ba-la-mật.

5) Trình bày về đã đạt được quả, nếu thông hiểu về dựa vào cõi tự tại và dựa vào trí tự tại, thì đạt được quả của Ứng thân, quả gồm chung giống như Địa trước.

6) Giải thích văn, toàn bộ phân định có ba: Một là kệ tụng sinh khởi phần sau, hai là trình bày về Thể của Địa, ba là dùng kệ để kết thúc phần trước.

*Phần một là kệ tụng, có mười chín kệ:* Hai kệ đầu trình bày về nói đến lợi ích của Địa trước, tiếp theo có mười bảy kệ phân rõ về bốn chúng ca ngợi thừa thỉnh. Trong phần mười bảy kệ này: Đầu là một kệ về Bồ-tát cúng dường, tiếp theo một kệ về Phạm Vương thiết lễ cúng dường ca ngợi, tiếp theo có mười bốn kệ về Thiên nữ ca ngợi thừa thỉnh, sau cùng một kệ là Giải Thoát Nguyệt thừa thỉnh.

*Trong phần Thiên nữ gồm mười bốn kệ có ba:* Đầu là một kệ rưới tổng quát ca ngợi về đức của Phật; tiếp theo là mười một kệ rưới ca ngợi các Bồ-tát trình bày đầy đủ về đức của người khác, ngay văn thứ hai này có hai, đầu là ba kệ rưới tổng quát ca ngợi về Tự nhân thù thắng, tiếp theo có tám kệ riêng biệt ca ngợi về quả dụng của Lợi tha; sau cuối là một kệ về thâm nhiếp tán loạn thuận theo vắng lặng. Ngay trong tám kệ về riêng biệt: Đầu là một kệ về thân nghiệp, tiếp theo sáu kệ về khẩu nghiệp, tiếp theo một kệ về ý nghiệp. Ngay trong khẩu nghiệp có hai: Một là tổng quát ca ngợi về tuyên thuyết tự tại, hai là dựa theo căn phân rõ về tướng. Tiếp theo một kệ dựa vào thân để ví dụ hiển bày, văn này có bốn, Thanh văn-Duyên giác-Tiêm-Đốn đều phân làm bốn, cũng có thể là Nhất thừa-Tam thừa phân làm bốn.

*Trong phần thứ hai là Thể của Địa có bốn sai biệt:* Một là Pháp sư thành tựu phương tiện, hai là thành tựu trí, ba là thành tựu tiến vào hạnh, bốn là thành tựu tuyên thuyết.

*Văn phần một có ba:*

- 1) Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau.
- 2) Chính thức phân rõ để giải thích.
- 3) Kết luận về tướng tiến vào Địa. Văn còn lại như Luận.

Trong phần hai là thành tựu trí: 1-Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau để tổng quát phân rõ; 2-Từ “Hữu lậu...” trở xuống là chỉ mở rộng về pháp thiện.

*Trong văn phần ba là tiến vào hạnh có ba:*

- 1) Tổng quát về mười một môn.
- 2) Riêng biệt phân rõ.
- 3) Tổng quát để kết luận.

Văn còn lại như Luận. Trong phần 1 là tổng quát về mười một môn, Luận chủ nói: Cùng nhau dựa vào, bởi vì tâm dày đặc là nơi các pháp cùng nhau nương tựa. Nói cùng nhau dựa vào là dựa vào đây mà

biết vậy thôi. Lại nữa, cùng nhau là căn-dục-tánh-thâm tâm..., bốn loại giống nhau cho nên nói là cùng nhau. Văn kinh trong phần vấn nạn về Sử, văn về nơi nào sót câu thứ tư; trong phần vấn nạn về Sinh, kinh sót câu thứ hai; trong phần vấn nạn về Tập khí, kinh sót câu thứ chín. Tướng còn lại có thể biết.

Ngay trong phần thành tựu tuyên thuyết, kinh có hai đoạn: Một là tổng quát trình bày về thành tựu tuyên thuyết, hai từ “Thị Bồ-tát hóa chúng sinh...” trở xuống là riêng biệt.

Trong phần riêng biệt phân rõ thì nghĩa có ba, văn kinh có bốn. Nghĩa có ba: Một là thành tựu trí, hai là thành tựu khẩu nghiệp, ba là Pháp sư thành tựu. Văn kinh có bốn, là theo Luận phân văn. Lại một đoạn thứ hai về nghĩa thâm diệu của Pháp sư, văn kinh cũng đưa vào trí, cũng đưa vào khẩu nghiệp, suy nghĩ có thể biết. Văn về khẩu nghiệp có bốn: Một là lập tông, hai từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống trình bày về ngôn từ kiên cố, ba là nêu ra tên gọi, bốn là giải thích riêng biệt qua từng pháp. Văn còn lại như Luận, thuận theo biết mà thôi.

*Pháp sư thành tựu có bốn sự việc thị hiện:* Một là thành tựu về Trì có bốn: 1) Lập tông; 2) Giải thích; 3) Kết luận; 4) Dùng mở rộng để hiển bày tóm lược. Hai từ “Thị Bồ-tát ư nhất Phật sở...” trở xuống là thành tựu về Thuyết, phần này có mười câu có thể biết. Ba từ “Thị Bồ-tát tam thiên...” trở xuống là thành tựu về hỏi đáp, phần này có bốn câu có thể biết. Bốn từ “Ư thị trung sinh...” trở xuống là thành tựu về thọ trì, phần này có một câu nên biết.

Hỏi: Thọ trì này cùng với Trì trước đây có gì khác nhau?

Đáp: Trì trước đây là lúc sắp nói ra, Trì sau này là lúc bắt đầu thọ nhận mà thôi.

Trong văn về quả của Địa, ba quả giống như trước. Trong quả Điều nhu phân bốn giống như trước: Một là hạnh Điều nhu, hai là Trí giáo thanh tịnh, ba là đức của Địa riêng biệt, bốn là kết luận về tướng tuyên thuyết. Trong hạnh Điều nhu có ba: Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp. Trong pháp có ba: Đầu là thấy chư Phật làm duyên của khởi hạnh; tiếp là năng lực luyện tập thực hành; sau là sự luyện tập thanh tịnh. Văn còn lại như Luận.

*Thứ ba trong phần trù tụng:* Một là trình bày về ý tuyên thuyết, hai là chính thức kệ tụng. Trong tụng có bốn mươi hai kệ rưỡi: Bốn kệ đầu tụng về Pháp sư phương tiện, bốn kệ tiếp theo tụng về thành tựu trí, mười hai kệ tiếp theo là văn về tiến vào hạnh, mười bốn kệ rưỡi tiếp theo tụng về thành tựu tuyên thuyết, bảy kệ tiếp theo tụng về ba quả,

một kệ tiếp theo là kết luận ca ngợi.

*Trong phần thành tựu tuyên thuyết:* Một kệ đầu tụng về thành tựu trí, bốn kệ tiếp theo tụng về thành tựu khẩu nghiệp, chín kệ rưỡi tiếp theo tụng về Pháp sư thành tựu. Trong phần này, hai kệ đầu tụng về thành tựu Trì, một kệ tiếp theo tụng về thành tựu Thuyết, một kệ tiếp theo tụng về hỏi đáp, năm kệ rưỡi tiếp theo tụng về thành tựu thọ trì.

*Trong Địa thứ mười có sáu môn giống như trước:*

1) Giải thích tên gọi, đạt được Đại Pháp thân, đầy đủ tự tại, vì vậy gọi là Pháp Vân địa.

2) Trình bày về đã đối trị, theo Địa Luận, là chướng ngại không được tự tại ở trong các pháp; theo Nhiếp Luận thì giống như Địa Luận. Lại có hai chướng: Một là tuệ của sáu thần thông, hai là tiến vào pháp vi tế bí mật của Phật. Có hai nghiệp chướng và một báo chướng có quả báo của sinh tử, đây là ở trong tâm bắt đầu và tâm trú vào. Lại có hai chướng: Một là đấm trước vi tế đối với tất cả các cảnh thuận theo nhận biết, hai là chướng ngại vi tế đối với tất cả các cảnh thuận theo nhận biết. Có hai nghiệp chướng và một báo chướng không có quả báo của sinh tử, đây là ở tâm cuối cùng của Địa.

3) Trình bày về đã hiển bày, là do nghiệp tự tại dựa vào Đà-la-ni môn và Tam-ma-đề môn, tự tại dựa vào thuận theo nhận biết về pháp giới.

4) Trình bày về đã thành tựu, là thành tựu về Trí Ba-la-mật.

5) Trình bày về đã đạt được quả, thông hiểu về nghiệp dựa vào, đạt được quả của Hóa thân, quả gồm chung giống như trước.

6) Giải thích văn, toàn bộ phân định có ba: Một là kệ tụng sinh khởi, hai là trình bày về Thể của Địa, ba là dùng kệ để kết thúc.

*Trong phần một là kệ tụng có hai mươi lăm kệ, có năm:* Hai kệ đầu là trời Thủ Đà Hội phát khởi cúng dường ca ngợi, bởi vì Địa này đầy đủ công hạnh cho nên trời Sắc Cứu Cánh ca ngợi; tiếp theo một kệ là Bồ-tát ca ngợi và cúng dường; tiếp theo hai kệ là chư Thiên cùng Thiên vương ca ngợi và cúng dường; tiếp theo mười tám kệ là Thiên nữ ca ngợi và cúng dường; sau cùng hai kệ là Giải Thoát Nguyệt thừa thỉnh. Trong phần Thiên nữ có năm: Đầu là hai kệ tổng quát nêu ra âm nhạc cúng dường, tiếp theo năm kệ ca ngợi Báo Phật, tiếp theo sáu kệ ca ngợi Hóa Phật, tiếp theo ba kệ ca ngợi Thể của Pháp thân, sau cùng hai kệ là khuyến khích thực hành. Phần này có hai, một kệ đầu khuyến khích tiến vào quán về Thể, một kệ sau kết luận lợi ích quy về gốc.

*Trong phần hai là văn về Thể, toàn phần có tám:* 1) Phần phương

tiên làm đầy đủ Địa; 2) Phần đạt được Tam-muội; 3) Phần được tiếp nhận địa vị; 4) Phần tiến vào Đại tận; 5) Phần giải thích tên gọi của Địa; 6) Phần thần thông lực vô thượng-hữu thượng; 7) Phần ảnh tượng của Địa; 8) Phần lợi ích của Địa.

*Văn phần một có ba:* Một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là kết luận.

*Phần hai là Tam-muội có ba:* Một là nhắc lại phần trước phát khởi phần sau, hai là nghĩa chính, ba là kết luận về sự thành tựu.

*Trong phần ba là tiếp nhận địa vị có sáu:* Đầu là chỗ ngồi có ba, đó là chủ-quyến thuộc và kết luận, thân có hai, quyển thuộc có ba, tướng có sáu. Trong văn đầu về chỗ ngồi, trong phần mười đức thì kinh sót một câu về công đức thứ tám, và sót văn kết luận thứ ba. Văn về ánh sáng trên đỉnh đầu (đỉnh quang) trong phần nơi chốn phát ra (xuất xứ) có tám đoạn có thể biết. Sáu là văn về tiếp nhận địa vị có ba: Một là giải thích về Giác, hai là phân rõ về Tướng, ba là kết luận. Văn kết luận có ba có thể biết. Văn phần hai có ba, đó là pháp-dụ và hợp. Trong pháp có ba: Một, Bồ-tát chín Địa cúng dường có hai có thể biết; hai, cùng chung địa vị thêm uy lực có hai có thể biết; ba, Phật chính thức trao cho địa vị. Văn này có ba: Một là giải thích về ánh sáng, hai là chẳng khác gì Phật, ba là kết luận. Văn phần một có ba: 1) Phát ra ánh sáng; 2) Nơi quay về có hai câu; 3) Phân rõ về lợi ích. Phát ra ánh sáng có tám nghiệp có thể biết. Ánh sáng tụ vào đỉnh đầu có ba: Một, dựa theo sự đưa vào sự; hai, dựa theo hành đưa vào hành; ba, dựa theo quả đang tiếp nhận ngay lúc ấy tiến vào tâm hành. Có thể theo đúng như Luận nên biết.

*Trong phần bốn là Đại tận như Luận nên biết:* Lại từ Đại tận này về sau, Nhất thừa-Đốn giáo-Tam thừa-Tiểu thừa đều trở thành phạm vi của quả Phật, có thể theo nghĩa làm mất dần văn, ở trong các kinh thì câu cũng có tăng giảm, dùng Luận để làm chuẩn mực.

*Trong phần năm là giải thích tên gọi, toàn phần có ba:* Một, chính mình được Phật nói pháp như mây mưa, cho nên gọi là Pháp Vân địa. Hai, từ “Phật tử nãi chí tự tòng nguyện lực khởi Từ Bi...” trở xuống, là chính mình rưới mưa pháp dập tắt ngọn lửa phiền não trần lao của các chúng sinh, cho nên gọi là Pháp Vân địa, văn này đầu là giải thích-tiếp là kết luận có thể biết. Ba, từ “Phục thứ Phật tử nãi chí Bồ-tát trú Pháp Vân địa tòng Đâu-suất...” trở xuống, là chính mình cùng chung quả đức, rưới nhiều mưa pháp sinh khởi căn thiện của chúng sinh, cùng với mây tương tự, cho nên gọi là Pháp Vân địa.

*Văn phần một có hai:* Một là tổng quát trình bày về Niệm lực có thể duy trì Phật pháp, hai từ “Năng ư nhất niệm chí thập phương vô lượng Phật sở...” trở xuống là riêng biệt trình bày về tiếp nhận giáo pháp.

*Trong riêng biệt có ba:* Một, lắng nghe tiếp nhận nhiều giáo pháp ở cõi Phật; Hai, từ “Thí như đại hải...” trở xuống là lắng nghe tiếp nhận Chánh pháp ở nhiều cõi Phật, phần này có ba văn về dụ-hợp và kết luận; Ba, từ “Giải Thoát Nguyệt ngôn nãi chí ư nhất niệm trung năng kham thọ kỉ sở...” trở xuống là hỏi đáp trình bày về phạm vi của hai loại trước.

*Trong phần một có ba:* Đầu là pháp, tiếp là dụ, sau là hợp.

*Trong phần ba là hỏi đáp về phạm vi của hai loại, văn có hai:* Đầu là hỏi, sau là đáp. Trong đáp có bốn: Một là lập nghĩa, hai là hỏi đáp giả thuyết nêu ra tóm lược để hiển bày về mở rộng, ba là hiển bày về nghĩa chân thật, bốn là kết luận có thể biết.

*Trong phần sáu là thân thông lực vô thượng-hữu thượng, có sáu:* Một là dựa vào bên trong, hai là dựa vào bên ngoài, ba là tự tướng, bốn là dấy lên trú trì, năm là khiến cho hoan hỷ, sáu gọi là rất thù thắng. Ngay trong sáu phần này, nghĩa của một phần đầu nối thông bốn phần trước, văn ở đây không có; tiếp theo có một đoạn nối thông với bốn phần sau. Sở dĩ như vậy là bởi vì Luận chủ khéo léo nhận biết văn hàm chứa nhiều nghĩa, muốn đan xen để hiển bày về pháp, cho nên phân định theo cách này. Bốn phần còn lại thì văn nghĩa đều có đủ, văn còn lại như Luận.

Trong phần bốn là trú trì, trong-ngoài phân làm hai, trong hai phần này đều có hai có thể biết mà thôi.

*Trong phần năm là khiến cho hoan hỷ, có sáu:* Một là hỏi, phần này có hai, đó là nghĩ đến và thưa thỉnh phân làm hai; hai là nêu ra sự việc của Định để trả lời; ba là trình bày về công dụng của Định, có hai có thể biết; bốn là thâm nhiếp nghiệp dựa vào căn bản; năm là kết luận ca ngợi, có hai có thể biết; sáu là hỏi đáp để hiển bày về phạm vi của Định, phần này có hai, đầu là nhân-sau là quả, đều có hỏi đáp. Trong phần đầu là nhân: Trước là hỏi, sau là kết luận có hai có thể biết. Một là có tên gọi của Dụng, hai là hỏi đáp về quả. Trong phần đáp có bốn có thể biết.

Phần Đại tận như Địa trước. Ba quả như Điều nhu... giải thích có thể biết, rộng ra như Luận phân rõ.

*Trong phần bảy là ảnh tượng của Địa, như Luận nên biết.*

Trên đây là căn cứ vào Phật pháp viên thông của Nhất thừa, dựa theo ghi lại phạm vi của giáo. Nay lại dựa theo Tam thừa để hiển bày về hai phần vị như kinh: Một gọi là phần vị Đẳng Giác, hai gọi là phần vị Diệu Giác.

Phần vị Đẳng Giác là từ trong đạo Kim Cang vô ngại của Địa thứ mười tiến vào tâm pháp giới, gọi là Tam-muội Dũng phục định pháp quang, dựa vào trong Định này tu tập thực hành mười pháp:

- 1) Học về thân thông biến hóa không nghĩ bàn của Phật.
- 2) Quy tụ Bồ-tát quyển thuộc.
- 3) Trở lại tu pháp môn đã thực hành trước kia.
- 4) Thuận theo tất cả các cõi Phật thăm hỏi hết thấy chư Phật.
- 5) Cách biệt với cha mẹ Vô minh.
- 6) Tiến vào cửa huyền diệu sâu xa.
- 7) Hiện rõ giống như Phật hiện bày tất cả các hình tướng.
- 8) Đầy đủ hai loại Pháp thân.
- 9) Không còn hai tập khí.

10) Bước lên đỉnh núi Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Phần vị này nói ở Thiên thứ ba. Nếu dựa theo tướng bên ngoài thì chính là Bồ-tát Bồ xứ, cũng thị hiện tám tướng thành tựu vi tế, trải qua trăm kiếp-vạn kiếp biến hóa như Phật, Bồ-tát gặp Phật, Phật biết rõ Bồ-tát này, do đạt được Tam-muội Kim Cang cho nên biến hiện tự tại, chỉ vì sinh tử là khác. Rộng ra như trong kinh Anh Lạc.

Phần vị Diệu Giác thì kinh chỉ nói ở Thiên thứ tư, bởi vì nghĩa phần nhiều giống nhau cho nên không phân tích.

Hỏi: Kinh này vì sao không nói đến hai phần vị Đẳng Giác và Diệu Giác?

Đáp: Nếu dựa theo phần nghĩa thực hành riêng biệt của Tam thừa, thì bởi vì dựa theo phần vị chọn lấy tướng làm chính, cho nên Đẳng Giác và Diệu Giác so sánh với nhau phân thành hai tướng. Nếu căn cứ vào kinh này, thì bởi vì viên thông tự tại không dùng pháp nhất định để so sánh với nhau làm chính, cho nên thâm nhiếp vào trong hai nghĩa nhân-quả.

***Trong phần 8 là lợi ích của Địa, văn phân chia có năm:***

- 1) Chính thức hiển bày về lợi ích của Địa.
- 2) Từ “Như thử thế giới Tứ thiên đĩ...” trở xuống là làm sáng tỏ về lợi ích rộng lớn của Địa.
- 3) Từ “Dĩ Phật lực thập phương Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về các Bồ-tát vân tập làm chứng hiển bày thành tựu đáng tin.

4) Từ “Kim Cang Tạng thuyết Như Lai hỷ...” trở xuống là trình bày về pháp đã nói, trên thuận với Thánh tâm Như Lai tùy hỷ, dưới thỏa mãn tâm nguyện của Đại chúng.

5) Bốn tụng về công đức thứ tư. Văn còn lại có thể biết.

-----